

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG MẦM NON BẾN THÀNH

Số: 401/TB-MNBT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 1, ngày 15 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc công khai dự toán thu – chi đầu năm
Năm học 2024 - 2025

Căn cứ các văn bản pháp lý:

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết 13/2023/NQ-HĐND ngày 16/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024 – 2025;

Căn cứ công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024- 2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ văn bản số 3527/UBND-GDĐT ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024 – 2025 của các cơ sở giáo dục trên địa bàn Quận 1;

Căn cứ các nội dung đã thỏa thuận và thống nhất giữa nhà trường và ban Đại diện CMHS trong buổi họp ngày 10 tháng 9 năm 2024 về lấy ý kiến thống nhất của 100% phụ huynh học sinh các khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của Trường Mầm non Bến Thành năm học

2024-2025 theo công văn số 1211/GDDT ngày 15 tháng 09 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 1

Thông báo số 105 /TB-MNBT ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Trường mầm non Bến Thành về việc thực hiện các khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của trường mầm non Bến Thành năm học 2024-2025;

Trường Mầm non Bến Thành công khai dự toán thu – chi đầu năm năm học 2024-2025 như sau:

STT	NỘI DUNG	Mức thu dự kiến	Dự toán	Tỷ lệ (%)	GHI CHÚ (*)
I	SỐ HỌC SINH		300		
	+ Lớp nhà trẻ		69		
	+ Lớp mẫu giáo (khối mầm, chồi)		151		
	+ Lớp mẫu giáo (khối lá)		80		
II	KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 13/2024/NQ-HĐND				
1	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND (Phụ lục 1)				
1.1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú				
a	Mức thu (550.000đ/tháng)	550.000	550.000		Mức thu giữ nguyên như năm cũ
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		300		
b	Tổng dự toán chi (B)		165.000.000	100%	
	Chi phí		165.000.000		
	Chi thanh toán cá nhân		142.061.240	86%	

	* Chi lương cho Cấp dưỡng : 3 người (HĐ qua dịch vụ)	24.706.944		
	* Chi lương cho 02 nhân viên BV (HĐ qua dịch vụ)	16.471.296		
	* Chi tiền phụ cấp công việc (05 người x 1.000.000đ/người/tháng)	5.000.000		
	* Chi lương cho 02 nhân viên PV (HĐ Trường)	9.920.000		
	* Chi lương cho 01 nhân viên BV (HĐ Trường)	7.000.000		
	* Chi lương cho 01 nhân viên thủ quỹ (HĐ trường)	8.000.000		
	* Chi lương cho 01 nhân viên văn thư (HĐ trường)	8.000.000		
	* Chi lương cho 03 nhân viên cấp dưỡng (HĐ trường)	14.880.000		
	* Nộp BHXH, BHYT, BHTN (21,5%) cho Cấp dưỡng và NV y tế	10.277.000		
	* Nộp KPCĐ (2%) cho Cấp dưỡng và NV y tế	956.000		
	* Trả công phục vụ bán trú : 55 người x 500.000 đ/người	27.500.000		
	* Tiền PC kiêm nhiệm nhóm trưởng: 15 người x 100.000đ/người	1.500.000		
	* Tiền PC giáo viên khối lớp Lá + Thỏ ngọc: 08 người x 100.000 đ/người	800.000		
	* Tiền PC kiêm nhiệm công tác đoàn thể : 04 người x 100.000đ/người	400.000		
	* Chi quản lý phí (1,5% thu PVBT - Hiệu trưởng, 1,2% thu PVBT - kế toán, thủ quỹ, văn thư; 1,2% Phó Hiệu trưởng)	5.850.000		
	* Chi hỗ trợ công tác phí : 01 người	500.000		
	* Chi hỗ trợ cước ĐT : 01 người	300.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	8.508.760	5%	

	* Hoạt động giáo dục (Mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học, sách tham khảo ...)		1.508.760		
	* Học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ		1.500.000		
	* Mua sắm đồ dùng vệ sinh: xà bông, khăn giấy, nước lau sàn, rửa chén, nước rửa tay....)		3.700.000		
	-Mua cây xanh, đất, phân bón trồng cây		1.000.000		
	-Tổ chức các chuyên đề, khai giảng, tổng kết		800.000		
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất		3.680.000	2%	
	-Tiền điện, nước, điện thoại, internet		1.180.000		
	-Mua sơn, vật tư sửa điện, nước...		2.000.000		
	-Khác (sửa máy tính...)		500.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		7.450.000	5%	
	-Mua sắm vật tư, đồ dùng vệ sinh		4.400.000		
	-Chi thanh toán tiền vệ sinh môi trường		750.000		
	-Chi tiền gas hấp khăn		1.500.000		
	-Thanh toán tiền diệt chuột, muỗi		800.000		
c	Thuế thu nhập doanh nghiệp		3.300.000	2%	
1.2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng (Thu khi phụ huynh có nhu cầu đăng ký cho bé ăn sáng)			-	-
a	Mức thu: (220.000 đ/tháng)	220.000	220.000		Mức thu giữ nguyên như năm cũ
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		250		
b	Tổng dự toán chi (B)		55.000.000	100%	
	Chi thanh toán cá nhân		46.750.000	85%	

	* Chi trả công PV ăn sáng : 55 người x 850.000đ/người		46.750.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		3.350.000	6%	
	-Mua văn phòng phẩm, thay mực, sửa chữa, bảo trì...		2.800.000		
	-Mua cây xanh		550.000		
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất		3.800.000	7%	
	* Tiền mua vật tư sửa điện nước		900.000		
	* Thanh toán tiền điện, nước, điện thoại		2.900.000		
c	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.100.000	2%	
1.3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày Lễ Tết không bao gồm tiền ăn)			-	-
a	Mức thu: (50.000 đồng/học sinh/ngày)	1.000.000	1.000.000		Mức thu giữ nguyên như năm cũ
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		150		
b	Tổng dự toán chi (B)		150.000.000	100%	
	Chi thanh toán cá nhân		138.688.800	92%	
	+ Chi tiền lương nhân viên HD qua công ty dịch vụ		41.178.240	27%	
	+ Chi lương cho nhân viên HD trường		32.800.000	22%	
	+ Chi BHXH+BHYT+KPCĐ		7.710.560	5%	
	+ Chi công tác quản lý nuôi dạy trong hè		3.000.000	2%	
	+ Chi công phục vụ nuôi dạy trẻ trong hè		51.000.000	34%	
	- Chi tiền công phục vụ (NV)		3.000.000	2%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		5.031.200	3%	

	- Tiền điện, nước, VPP, VTVP		5.031.200		
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động		2.830.000	2%	
	- Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị		2.830.000		
c	Chi nộp thuế TNDN (2% x Tổng thu)		3.450.000	2%	
1.4	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng (phần kinh phí xã hội hóa theo Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/03/2021 của HĐND Thành phố)				
a	Mức thu: (160.000đ/học sinh/tháng)	160.000	160.000		Mức thu giữ nguyên như năm cũ
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		300		
b	Tổng dự toán chi (B)		48.000.000		
	- Chi thanh toán cá nhân		47.040.000	98%	
	* Chi lương cho 11 NVND (HĐ trường) Tiền công nhân viên nuôi dưỡng (11 người) (2.480.000 đồng/tháng x 11 người) '- Trong đó: NS nhà nước hỗ trợ 50% (mức lương tối thiểu vùng 4.960.000đ x 50% =2.480.000đ/người) theo NQ04/2021/HĐND		27.280.000		
	* Chi lương cho 01 NVND (HĐ qua dịch vụ) (Lương vùng: 4.960.000 đ x tháng x 1 người BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)		7.155.648		
	* Nộp BHXH, BHYT, BHTN (21,5%) cho NVND		11.513.152		
	* Nộp KPCĐ (2%) cho NVND		1.091.200		

c	Chi nộp thuế		960.000		
	- Thuế TNDN (2% x tổng thu tiền NQ04)		960.000	2%	
1.5	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)				
a	Mức thu: (31.000 đồng/năm)	31.000	31.000	3,33%	Tăng 1.000 đ/năm (tăng 3,33% so với năm 2023-2024)
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		300	-	
b	Tổng dự toán chi (B)		9.300.000	100%	-
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		9.114.000	98%	
	- Chi trả tiền khám sức khỏe ban đầu cho bé		9.114.000		
c	Chi nộp thuế		186.000	2%	
	- Thuế TNDN (2% x tổng thu tiền NQ04)		186.000		
1.6	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)				
a	Mức thu: 34.000 đồng/tháng	34.000	34.000	13,33%	Tăng 4.000 đ/tháng (tăng 13,33% so với năm 2023-2024)
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		300		
b	Tổng dự toán chi (B)		10.200.000	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		9.996.000	98%	
	Trả tiền điện		6.763.270	66%	
	Tiền vệ sinh máy lạnh		2.562.911	25%	
	Tiền phí bảo trì, sạc gas, sửa chữa máy lạnh		669.819	7%	

c	- Thuế TNDN (2% x tổng thu tiền tiền điện)		204.000	2%	
1.7	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Công ty Cổ phần Tập đoàn Công Nghệ Quảng Ích)				
a	Mức thu: 21.000đồng/tháng	21.000	21.000	5%	Tăng 1.000 đ/tháng (tăng 5% so với năm 2023-2024)
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		300		
	Tổng dự toán chi (B)		6.300.000	100%	
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn		6.174.000	98%	
	- Chi trả tiền số liên lạc điện tử		6.174.000		
c	Chi nộp thuế		126.000	2%	
	- Thuế TNDN (2% x tổng thu tiền Enetviet)		126.000		
2	CÁC KHOẢN THU PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ HỌC CHÍNH KHÓA (PHỤ LỤC SỐ 3B)				
2.1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ				
2.1.1	Tiền tổ chức dạy Ngôn ngữ cơ bản	160.000	160.000		Mức thu giữ nguyên so với mức cũ
a	Mức thu đề nghị: 160.000/tháng		9.600.000		
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		60		
b	Tổng dự toán chi		9.600.000	100%	
b.1	Chi thanh toán cá nhân		1.128.960	12%	
	- Tiền quản lý phí (03BGH, 03VP)		541.901	6%	
	- Tiền quản lý lớp (GV)		508.032	5%	

	- Chi tiền công phục vụ (NV)		79.027	1%	
b.2	Chi nghiệp vụ chuyên môn		8.279.040	86%	
	- Chi trả tiền phí giảng dạy cho các trung tâm		8.279.040		
c	Chi nộp thuế TNDN (2% x Tổng thu)		192.000	2%	
2.1.2	Tiền tổ chức Gym Nhà trẻ	436.000	436.000	-	
a	Mức thu đề nghị: 436.000/tháng		15.260.000		
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		35		
b	Tổng dự toán chi		15.260.000	100%	
b.1	Chi thanh toán cá nhân		1.794.576	12%	
	- Tiền quản lý phí (03BGH, 03VP)		861.396	6%	
	- Tiền quản lý lớp (GV)		807.559	5%	
	- Chi tiền công phục vụ (NV)		125.620	1%	
b.2	Chi nghiệp vụ chuyên môn		13.160.224	86%	
	- Chi trả tiền phí giảng dạy cho các trung tâm		13.160.224		
c	Chi nộp thuế TNDN (2% x Tổng thu)		305.200	2%	
2.2	Tiền tổ chức các hoạt động giáo dục khảo sát làm quen Tiếng Anh cho trẻ Mẫu giáo	180.000	180.000		Thu mới
a	Mức thu đề nghị: 180.000/Học kỳ		41.580.000		
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		231		
b	Tổng dự toán chi		41.580.000	100%	
b.1	Chi thanh toán cá nhân		4.889.808	12%	

	- Tiền quản lý phí (03BGH, 03VP)		2.347.108	6%	
	- Tiền quản lý lớp (GV)		2.200.414	5%	
	- Chi tiền công phục vụ (NV)		342.287	1%	
b.2	Chi nghiệp vụ chuyên môn		35.858.592	86%	
	- Chi trả tiền phí giảng dạy cho các trung tâm		35.858.592		
c	Chi nộp thuế TNDN (2% x Tổng thu)		831.600	2%	
3	CÁC KHOẢN THU PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THỰC HIỆN THEO CÁC ĐỀ ÁN				
3.1	Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế”				
3.1.1	Khối mầm				
a	Mức thu đề nghị/tháng (76 học sinh * 1.980.000đ)	1.980.000	1.980.000	14,78%	Tăng 255.000 đ/tháng (tăng 14,8% so với năm học 2023-2024)
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		76		
b	Tổng dự toán chi		150.480.000	100%	
b.1	Chi thanh toán cá nhân		25.581.600	17%	
	- Tiền quản lý phí (03BGH, 03VP)		9.028.800	6%	
	- Tiền quản lý lớp (GV)		12.038.400	8%	
	- Chi tiền công phục vụ (NV)		4.514.400	3%	
b.2	Chi nghiệp vụ chuyên môn		94.452.800	63%	

	- Chi trả tiền phí giảng dạy cho các trung tâm	1.566.000	94.452.800	63%	
	+ Môn Gokids		26.508.800		Chi trả 80% trên mức thu
	+ Môn Steam		12.160.000		Chi trả 80% trên mức thu
	+ Môn Anh văn		26.144.000		Chi trả 80% trên mức thu
	+ Môn Vẽ		6.916.000		Chi trả 70% trên mức thu
	+ Môn Nhịp điệu		6.916.000		Chi trả 70% trên mức thu
	+ Môn Kỹ năng sống		5.472.000		Chi trả 90% trên mức thu
	+ Môn Toán tư duy		10.336.000		Chi trả 85% trên mức thu
b.3	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất		20.064.000	13%	
	- Chi trả các khoản chi phí cho hoạt động của các lớp như : tiền điện, nước, vệ sinh, văn phòng phẩm, dụng cụ luyện tập, đồ dùng chuyên môn, photo tài liệu...		11.035.200	7%	
	Chi mua sắm bổ sung trang thiết bị, cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất cho các lớp thực hiện tiên tiến hội nhập theo đề án.		9.028.800	6%	
b.4	Chi các hoạt động trải nghiệm		7.372.000	5%	
c	Chi nộp thuế TNDN (2% x Tổng thu)		3.009.600	2%	
3.1.2	Khối Chối				

a	Mức thu đề nghị/tháng (75 học sinh * 1.725.000đ)	1.725.000	1.725.000	15%	Tăng 225.000 đ/tháng (tăng 15% so với năm học 2023-2024 theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố, thực hiện theo lộ trình được phê duyệt
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		75		
b	Tổng dự toán chi		129.375.000	100%	
b.1	Chi thanh toán cá nhân		20.395.500	16%	
	- Tiền quản lý phí (03BGH, 03VP)		7.762.500	6%	
	- Tiền quản lý lớp (GV)		10.045.500	8%	
	- Chi tiền công phục vụ (NV)		2.587.500	2%	
b.2	Chi nghiệp vụ chuyên môn		87.210.000	67%	
	- Chi trả tiền phí giảng dạy cho các trung tâm	1.466.000	87.210.000	67%	
	+ Môn Gokids		26.160.000		Chi trả 80% trên mức thu
	+ Môn Steam		6.000.000		Chi trả 80% trên mức thu
	+ Môn Anh văn		25.800.000		Chi trả 80% trên mức thu
	+ Môn Vẽ		6.825.000		Chi trả 70% trên mức thu

	+ Môn Nhịp điệu		6.825.000		Chi trả 70% trên mức thu
	+ Môn Kỹ năng sống		5.400.000		Chi trả 90% trên mức thu
	+ Môn Toán tư duy		10.200.000		Chi trả 85% trên mức thu
b.3	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất		11.907.000	9%	
	- Chi trả các khoản chi phí cho hoạt động của các lớp như : tiền điện, nước, vệ sinh, văn phòng phẩm, dụng cụ luyện tập, đồ dùng chuyên môn, photo tài liệu...		6.732.000	5%	
	Chi mua sắm bổ sung trang thiết bị, cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất cho các lớp thực hiện tiến tiến hội nhập theo đề án.		5.175.000	4%	
b.4	Chi các hoạt động trải nghiệm		7.275.000	6%	
c	Chi nộp thuế TNDN (2% x Tổng thu)		2.587.500	2%	
3.1.3	Khối Lá				
a	Mức thu Khối lá đề nghị/tháng (80 học sinh * 1.500.000đ)	1.500.000	1.500.000		Mức thu giữ nguyên so với mức cũ
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		80		
b	Tổng dự toán chi		120.000.000	100%	
b.1	Chi thanh toán cá nhân		21.315.200	18%	
	- Tiền quản lý phí (03BGH, 03VP)		7.200.000	6%	
	- Tiền quản lý lớp (GV)		10.515.200	9%	
	- Chi tiền công phục vụ (NV)		3.600.000	3%	
b.2	Chi nghiệp vụ chuyên môn		87.584.000	73%	
	- Chi trả tiền phí giảng dạy cho các trung tâm	1.386.000	87.584.000	73%	

	+ Môn Gokids		27.904.000		Chi trả 80% trên mức thu
	+ Môn Steam		6.400.000		Chi trả 80% trên mức thu
	+ Môn Anh văn		27.520.000		Chi trả 80% trên mức thu
	+ Môn Vẽ		7.280.000		Chi trả 70% trên mức thu
	+ Môn Nhịp điệu		7.280.000		Chi trả 70% trên mức thu
	+ Môn Kỹ năng sống		5.760.000		Chi trả 90% trên mức thu
	+ Môn Toán tư duy		5.440.000		Chi trả 85% trên mức thu
b.3	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất		940.800	1%	
	Chi mua sắm bổ sung trang thiết bị, cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất cho các lớp thực hiện tiên tiến hội nhập theo đề án.		940.800	1%	
b.4	Chi các hoạt động trải nghiệm		7.760.000	6%	
c	Chi nộp thuế TNDN (2% x Tổng thu)		2.400.000	2%	
4	CÁC KHOẢN THU HỖ TRỢ CHO CÁ NHÂN HỌC SINH				
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (nệm, chăn, gối, khăn mặt, bát, đĩa, khay, thìa, muỗng, ly, cốc)				
a	Mức thu đề nghị: 400.000đ/năm	400.000	400.000		Mức thu giữ nguyên so với mức cũ
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		300		
b	Tổng dự toán chi		120.000.000	100%	
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động		120.000.000	100%	
	- Mua đồ thay chén, ly uống nước, đồ dùng bữa ăn cho học sinh		90.000.000	75%	

	- Mua bổ sung, thay mới đồ dùng, dụng cụ nhà bếp		30.000.000	25%	
3	Tiền học phẩm – học cụ - học liệu				
3.1	Học phẩm				Theo năm
a	Mức thu đề nghị: 30.000đ/năm/học sinh	30.000	30.000	13,33%	Mức thu giữ nguyên so với mức cũ
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		300		
b	Tổng dự toán chi		9.000.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		9.000.000	100%	
	- Chi tiền mua sổ bé ngoan		4.500.000	50%	
	- Chi tiền mua bút xấp, bút màu		2.880.000	32%	
	- Chi tiền mua giấy màu		1.620.000	18%	
3.2	Học cụ - Học liệu				Theo năm
a	Mức thu đề nghị: 320.000đ/năm/học sinh	320.000	320.000	14,38%	Mức thu giữ nguyên so với mức cũ
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		300		
b	Tổng dự toán chi		96.000.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		96.000.000		
	- Chi trả tiền mua tủ, kệ góc chơi, đồ chơi cho học sinh		46.080.000	48%	
	- Chi trả tiền mua trống con, búp bê.....		19.200.000	20%	
	- Bộ xâu dây, gạch, bộ đồ chơi nấu ăn....		30.720.000	32%	
4	Tiền suất ăn trưa bán trú	-	-	-	Theo ngày
a	Mức thu đề nghị: 40.000đ/ngày	40.000	40.000	14,29%	Tăng 5.000 đ/tháng (tăng 14,29% so với năm 2023-2024)
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		300		

b	Chi nghiệp vụ chuyên môn		12.000.000	100%	
	Chi hết cho bữa ăn trưa của học sinh		12.000.000	-	
5	Tiền suất ăn sáng				Theo ngày
a	Mức thu đề nghị: 19.000đ/ngày	19.000	19.000	12%	Mức thu tăng 12% so với mức cũ
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		250		
b	Tổng dự toán chi		4.750.000	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		4.750.000		
	- Chi trả tiền suất ăn sáng cho các bé		4.750.000		
6	Tiền nước uống				
a	Mức thu đề nghị: 15.000đ/tháng	15.000	15.000		giữ nguyên mức thu cũ
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		300		
b	Tổng dự toán chi		4.500.000	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		4.500.000		
	- Chi trả tiền nước uống cho các bé		4.500.000		

Các khoản thu trên, sau khi phụ huynh đã đóng tiền nhà trường chỉ hoàn trả lại khoản tiền suất ăn trưa bán trú (40.000 đồng/ngày) nhà trường sẽ hoàn trả lại khi học sinh có ngày nghỉ học trong tháng hoặc rút hồ sơ chuyển trường;

Khoản thu tiền ăn sáng, phục vụ ăn sáng là hoạt động cung ứng dịch vụ nhà trường phục vụ theo yêu cầu của PHHS, hoàn toàn không bắt buộc. Vì vậy, nhà trường không hoàn trả lại tiền ăn sáng, phục vụ ăn sáng nếu phụ huynh đã đăng ký.

**** VỀ CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**

Tiếp tục thực hiện các chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh và chính sách phát triển giáo dục mầm non đã ban hành, cụ thể như sau:

- Công văn số 794/SGDDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021 - 2022;

- Công văn số 1406/SGDDĐT-KHTC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn bổ sung thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo;

- Hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết 35/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố. Thực hiện theo hướng dẫn số 9801/HD-SLĐTBXH ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình khảo sát, xét duyệt danh sách, phương thức chi trả và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố;

- Hỗ trợ chi phí học sinh theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022-2023:

Tiếp tục thực hiện theo Công văn số 2842/GDDĐT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 07 tháng 6 năm 2023 về triển khai quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 5 năm 2023 về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND.

**** ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN HUY ĐỘNG TÀI TRỢ, ỦNG HỘ TỰ NGUYỆN VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH**

- Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Công văn số 1427/UBND-VX ngày 17 tháng 4 năm 2019 của ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Công văn số 2466/SGDĐT-KHTC ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về việc tiếp nhận tài trợ cho các cơ sở giáo dục và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**** VỀ CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU**

- Phương thức và thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 07 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Tất cả các khoản thu nhà trường thông báo đầy đủ, công khai bằng văn bản đến phụ huynh, học sinh; bộ phận tài vụ của nhà trường thực hiện thu tiền, phát hành biên lai, hóa đơn thu tiền cho từng học sinh không giao cho giáo viên trực tiếp thu, chi tiền và đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

Mọi thông tin liên hệ và hỗ trợ xin vui lòng gọi văn phòng trường mầm non Bến Thành theo số điện thoại (028)38394941.

Nơi nhận:

- Phòng GD và ĐT Q1 (để báo cáo);
- Đăng trên website trường;
- GV các lớp; bộ phận văn phòng
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Mai Hằng